TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Trần Trung

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1986 trú tại: Thôn Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đ ngày 22/11/2008, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc gì. Sau khi cưới hai vợ chồng thuê nhà ở thành phố V. Trong quá trình chung sống, ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, đến năm 2015 hai vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị nghi ngờ anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh không quan tâm tới vợ con. Sau đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 3/2021, đến tháng 8/2021 chị ra ngoài thuê nhà ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Phạm Thu G, sinh ngày 09/9/2009, cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 20/7/2011 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2020; Hiện cả ba cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin nuôi cả ba cháu và không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh Đ: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa anh Phạm Minh Đ trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng như chị H trình bày. Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, hai vợ chồng mâu thuẫn là do tính cách không hợp còn việc chị H cho rằng hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh ngoại tình, thực tế không có việc anh ngoại tình mà là do chị nghi ngờ khi anh nhắn tín, nói chuyện điện thoại với khách hàng. Nay chị H nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng, ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị H được nuôi 2 cháu, anh được nuôi 1 cháu, anh không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/tháng/1 cháu, cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 9/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh đang làm tại công ty PGCO Việt Nam địa chỉ tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, hàng tháng anh vẫn đi công tác xa nhà khoảng 1 tuần, còn lại là vẫn đi làm rồi về nhà. Thu nhập của anh khoảng 20.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thu lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ. Về con chung giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu T và cháu Phạm Bảo N; giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Thu G, xác nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ là 2.500.000đ/tháng/1 cháu, cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng/2 cháu kể từ tháng 9/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu H đối với bị đơn là anh Phạm Minh Đ. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 26/4/2021 chị Hoàng Thị Thu H có đơn xin ly hôn với anh Phạm Minh Đ. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị H và anh Đ trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị H thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2020 hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Đ xác định hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau và chị H nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh Đ thì vợ chồng chị H anh Đ thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Việc hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ.

[4]. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Đ có 03 con chung là cháu Phạm Thu G, sinh ngày 09/9/2009, cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 20/7/2011 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2020; Hiện cả ba cháu đang ở cùng chị H, ly hôn chị H đề nghị được nuôi 03 cháu. Anh Đ cũng đề nghị được nuôi cả ba cháu và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H, anh Đ đang đi làm và có thu nhập ổn định, chị H cung cấp cho Tòa án bảng lương của chị thể hiện thu nhập của chị khoảng 12.000.000đ/tháng. Chị H cũng thừa nhận thu nhập của anh Đ như anh Đ trình bày là khoảng 20.000.000đ/tháng. Hiện cả ba cháu đang ở với chị H và cả chị H, anh Đ đều đủ điều kiện để nuôi con và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2021 (chưa đủ 12 tháng tuổi) nên để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý và sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của các cháu cần thiết giao cháu Phạm Thị Thu T và cháu Phạm Bảo N cho chị H, giao cháu Phạm Thu G cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H, anh Đ không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung

nhưng anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/tháng/1 cháu, cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng nên cần chấp nhận.

[5]. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thu H với anh Phạm Minh Đ.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 20/7/2011 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 01/10/2020; anh Phạm Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thu G, sinh ngày 09/9/2009; Anh Đ tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/tháng/1 cháu, cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu Phạm Thị Thu T, Phạm Bảo N đủ 18 tuổi. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Kể từ ngày người được chị H có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên anh Đ không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0001146 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã X, huyện L
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa